

c) Ao, hồ, đầm và mặt nước khác có quy mô lớn hoặc có liên quan chặt chẽ với nhau nếu không giao khoán được cho một hộ gia đình thì có thể giao khoán cho nhóm hộ hoặc tổ chức thích hợp. Thời hạn giao khoán theo hợp đồng;

d) Mặt nước chuyên dùng cho ương, nuôi con giống đặc sản, giống mới và các công trình sản xuất con giống đòi hỏi kỹ thuật cao và quản lý chặt chẽ để đảm bảo chất lượng con giống thì giao khoán cho nhóm lao động, hoặc tổ kỹ thuật. Thời hạn giao khoán theo hợp đồng.

2. Đất có mặt nước, không do vốn đầu tư từ nguồn của Nhà nước thì Bên giao khoán có thể giao khoán bằng hình thức đấu thầu cho hộ gia đình, nhóm hộ gia đình, tổ chức, cá nhân để sản xuất kinh doanh theo hợp đồng.

Điều 17. - Các hồ có mặt nước lớn thuộc công trình thủy lợi, thủy điện, ao hồ trong các công viên, các vườn quốc gia kết hợp nuôi trồng thủy sản thì Bộ Thủy sản phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn nuôi trồng, khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và bảo vệ môi trường, phù hợp với quy định bảo vệ công trình, quy định về kỹ thuật, quản lý và sử dụng các công trình đó.

Điều 18. - Bộ trưởng các Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Lâm nghiệp, Thủy sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan theo chức năng, quyền hạn của mình hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy định này.

Bộ trưởng các Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Lâm nghiệp, Thủy sản phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định về việc lập và sử dụng quỹ phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi, quỹ bảo hiểm sản xuất và chi phí quản lý.

Bộ trưởng các Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Lâm nghiệp, Thủy sản phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành các mẫu hợp đồng khoán.

Điều 19. - Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện bản Quy định này. Những quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 2-CP
ngày 5-1-1995 quy định về hàng
hóa, dịch vụ cấm kinh doanh
thương mại và hàng hóa, dịch
vụ kinh doanh thương mại có
điều kiện ở thị trường trong
nước.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Nhằm thống nhất quản lý Nhà nước về hoạt động kinh doanh thương mại đối với hàng hóa, dịch vụ trên thị trường theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền kinh doanh hợp pháp của các tổ chức, cá nhân kinh doanh và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng, nhằm ngăn ngừa việc lợi dụng kinh doanh để hoạt động phi pháp;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Nghị định này quy định về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh thương mại và hàng hóa, dịch vụ kinh doanh thương mại có điều kiện ở thị trường trong nước (sau đây gọi tắt là hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh và kinh doanh có điều kiện).

Mọi tổ chức, cá nhân khi hoạt động kinh doanh thương mại đối với loại hàng hóa, dịch vụ này, không phân biệt thành phần kinh tế là của Việt Nam hay nước ngoài đều phải thực hiện các quy định tại Nghị định này.

Điều 2. - Hoạt động kinh doanh thương mại điều chỉnh trong Nghị định này là việc lưu thông hàng hóa hoặc thực hiện dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi; bao gồm việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hành vi thương mại mua, bán, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, tồn trữ, trưng bày, quảng cáo, môi giới hoặc thực hiện các dịch vụ thương mại khác.

Điều 3. - Căn cứ để xác định loại hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh và kinh doanh có điều kiện là yêu cầu quản lý của Nhà nước, tác động và mức độ ảnh hưởng có hại tới an ninh, quốc phòng, kinh tế, xã hội, môi trường, vệ sinh phòng bệnh do việc kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ này gây ra.

Điều 4. - Bộ Thương mại là cơ quan quản lý Nhà nước về các hoạt động kinh doanh thương mại trên thị trường; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tổng cục quản lý ngành kinh tế kỹ thuật có trách nhiệm chủ động và phối hợp hướng dẫn chi tiết thực hiện các quy định của Nghị định này; nghiên cứu đề xuất bổ sung, sửa đổi khi cần thiết; kiểm tra, giám sát các cơ quan Nhà nước, các tổ chức và cá nhân kinh doanh thương mại trên thị trường trong việc thực hiện Nghị định này.

Chương II

HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CẤM KINH DOANH

Điều 5. - Những loại hàng hóa, dịch vụ mà trong quá trình lưu thông hoặc sử dụng có thể gây nguy hại nghiêm trọng tới an ninh, quốc phòng, chính trị, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa dân tộc, môi trường và sức khỏe của nhân dân thì không được kinh doanh.

Danh mục các loại hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 6. - Căn cứ yêu cầu quản lý của Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ sẽ xem xét quyết định việc sửa đổi, bổ sung danh mục các loại hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh.

Bộ trưởng các Bộ Quốc phòng, Y tế, Văn hóa - Thông tin, Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Lâm nghiệp, Thương mại, Giáo dục đào tạo, Nội vụ căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý ngành và Điều 5 của Nghị định này xác định chi tiết các mặt hàng, dịch vụ cấm kinh doanh ghi trong Phụ lục 1, thống nhất với Bộ trưởng Bộ Thương mại để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện.

Điều 7. - Căn cứ yêu cầu đặc biệt về kinh tế, quốc phòng, an ninh và y tế, các Bộ quản lý ngành kinh tế kỹ thuật đề xuất và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho một số

doanh nghiệp được phép kinh doanh mặt hàng thuộc danh mục cấm trong phạm vi và quy mô nhất định, theo những quy định riêng.

Chương III

HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 8. - Những hàng hóa và dịch vụ mà trong quá trình lưu thông hoặc sử dụng có thể gây hại đến sức khỏe con người, môi trường, an ninh trật tự, an toàn xã hội; hoặc những hàng hóa, dịch vụ khi kinh doanh đòi hỏi nhất thiết phải có cơ sở vật chất, kỹ thuật và người kinh doanh phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhất định, thì xếp vào loại kinh doanh có điều kiện.

Danh mục và những điều kiện chủ yếu của các loại hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 9. - Các điều kiện kinh doanh đối với loại hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện, bao gồm:

9.1. Điều kiện về chủ thể kinh doanh.

Căn cứ mức độ ảnh hưởng đến kinh tế, xã hội của một số loại hàng hóa, dịch vụ trong quá trình kinh doanh và yêu cầu quản lý, việc chọn lựa, chỉ định một số doanh nghiệp kinh doanh, theo quy định sau:

9.1a) Loại hàng hóa, dịch vụ chỉ một số doanh nghiệp Nhà nước được kinh doanh do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng, Tổng cục trưởng quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật.

9.1b) Loại hàng hóa, dịch vụ chỉ các doanh nghiệp được kinh doanh.

9.1c) Loại hàng hóa, dịch vụ chỉ một số doanh nghiệp, hoặc cá nhân được kinh doanh do Bộ trưởng, Tổng cục trưởng quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật hoặc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố xem xét cho phép.

9.2. Điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật.

Nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng có hại đến sức khỏe con người, môi trường, an ninh trật tự, an toàn xã hội hoặc để đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa, dịch vụ khi kinh doanh phải

thực hiện các quy định về cơ sở vật chất, kỹ thuật trong các trường hợp sau:

9.2a) Loại hàng hóa, dịch vụ khi kinh doanh phải có địa điểm phù hợp với quy hoạch theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền.

9.2b) Loại hàng hóa, dịch vụ khi kinh doanh phải bảo đảm cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị tối thiểu theo tiêu chuẩn quy định của Chính phủ hoặc của các Bộ, Tổng cục quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật.

9.3. Điều kiện về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người kinh doanh: Để bảo đảm những yêu cầu về kinh tế - kỹ thuật, văn minh thương mại và bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, phải thực hiện các quy định sau trong các trường hợp:

9.3a) Loại hàng hóa, dịch vụ khi kinh doanh người kinh doanh phải được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ (có bằng cấp theo quy định).

9.3b) Loại hàng hóa, dịch vụ khi kinh doanh người kinh doanh phải đảm bảo tiêu chuẩn về sức khỏe.

Điều 10.- Căn cứ yêu cầu quản lý của Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ sẽ xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung các điều kiện quy định tại Điều 9 và danh mục các loại hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện ghi trong Phụ lục 2.

Các Bộ trưởng, Tổng cục trưởng quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Nghị định này quy định chi tiết các mặt hàng, dịch vụ kinh doanh có điều kiện và các điều kiện cụ thể cho từng mặt hàng, dịch vụ theo từng loại, nhóm hàng hóa, dịch vụ ghi trong Phụ lục 2, công bố và hướng dẫn thực hiện sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Thương mại.

Điều 11.- Trình tự, thủ tục giải quyết nhu cầu kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc loại kinh doanh có điều kiện được quy định thống nhất như sau:

1. Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh:

Tổ chức, cá nhân muốn kinh doanh hoặc bổ sung Đăng ký kinh doanh (đối với cá nhân kinh doanh là Giấy phép kinh doanh theo quy định của Nghị định số 66-HĐBT, sau đây gọi chung là Đăng ký kinh doanh) phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện và hồ sơ đề cơ quan có thẩm quyền kiểm tra xem xét cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh để làm căn cứ cho việc xét cấp hoặc bổ sung Đăng ký kinh doanh. Chỉ được hoạt động kinh doanh khi được cấp hoặc được bổ sung Đăng ký kinh doanh.

2. Đối với cơ quan quản lý:

a) Các Bộ, Tổng cục quản lý ngành, hoặc các Sở được ủy quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có trách nhiệm:

- Tiếp nhận, tập hợp nghiên cứu hồ sơ của các tổ chức, cá nhân kinh doanh gửi đến.

- Kiểm tra xem xét (kể cả việc kiểm tra thực tế tại cơ sở kinh doanh nếu thấy cần thiết) về các điều kiện để hoạt động kinh doanh của các tổ chức, cá nhân này.

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong thời hạn 20 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.

b) Đối với các cơ quan cấp Đăng ký kinh doanh: chỉ xét cấp Đăng ký kinh doanh hoặc bổ sung Đăng ký kinh doanh sau khi có đủ điều kiện kinh doanh và được các cơ quan quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

c) Việc thu và sử dụng lệ phí cho việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, cấp hoặc bổ sung Đăng ký kinh doanh thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 12.- Mọi tổ chức hoặc cá nhân có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định của pháp luật và Nghị định này thì đều được xem xét để cấp phép hoạt động kinh doanh. Trong quá trình kinh doanh phải thường xuyên đảm bảo đầy đủ các điều kiện quy định và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan có trách nhiệm.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13.- Mọi tổ chức hoặc cá nhân kinh doanh vi phạm các quy định về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh thì đều bị xử lý tịch thu hàng hóa của vụ vi phạm và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14.- Đối với hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện, các tổ chức hoặc cá nhân không được phép kinh doanh mà kinh doanh, hoặc được phép kinh doanh mà trong quá trình kinh doanh không thường xuyên đảm bảo các điều kiện quy định của loại hàng hóa, dịch vụ đó, đều coi là hành vi kinh doanh trái phép, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu

trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15.- Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy phép kinh doanh, Đăng ký kinh doanh và kiểm tra giám sát hoạt động của các tổ chức, cá nhân được phép kinh doanh, nếu có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định của Nghị định này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1995. Bộ trưởng Bộ Thương mại,

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục quản lý ngành có trách nhiệm rà soát lại các quy định trước đây về kinh doanh thương mại, dịch vụ trên thị trường, bổ sung, sửa đổi và hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các địa phương, các tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện theo đúng những quy định của Nghị định này.

Điều 17.- Bộ trưởng Bộ Thương mại, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ trưởng

VÕ VĂN KIẾT

Phụ lục 1

HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CẤM KINH DOANH

(ban hành kèm theo Nghị định số 2-CP ngày 5-1-1995 của Chính phủ).

Tên loại hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh	Cơ quan quy định và hướng dẫn chi tiết
1. Vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng và phương tiện kỹ thuật quân sự	Bộ Quốc phòng (chủ trì) và Bộ Nội vụ.
2. Các chất ma túy.	Bộ Y tế (chủ trì) và Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
3. Các hiện vật có giá trị thuộc di tích văn hóa, lịch sử.	Bộ Văn hóa - Thông tin.
4. Các vật phẩm, sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy.	Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Nội vụ.
5. Thuốc lá điếu sản xuất tại nước ngoài.	Bộ Thương mại (chủ trì) và Bộ Công nghiệp nhẹ.
6. Các loại pháo nổ sản xuất trong nước, các loại pháo sản xuất tại nước ngoài.	Bộ Thương mại (chủ trì) và các Bộ Nội vụ, Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
7. Các loại thuốc chữa bệnh cho người và gia súc, thuốc bảo vệ thực vật và các loại trang thiết bị, dụng cụ y tế chưa được phép sử dụng ở Việt Nam.	Bộ Y tế (thuốc chữa bệnh cho người, dụng cụ y tế), Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (thuốc bảo vệ thực vật).
8. Thực vật, động vật rừng quý hiếm.	Bộ Lâm nghiệp.
9. Một số loại đồ chơi cho trẻ em gây nguy hại tới giáo dục nhân cách, tới sức khỏe của trẻ em, hoặc tới an ninh trật tự, an toàn xã hội.	Bộ Thương mại (chủ trì) và các Bộ Giáo dục, Nội vụ.
10. Hành vi có tính kinh doanh hoặc dịch vụ trái với thuần phong mỹ tục Việt Nam.	Bộ Nội vụ (chủ trì) và các Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thông tin.

Phụ lục 2

HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 2-CP ngày 5-1-1995 của Chính phủ).

Tên loại hàng hóa, dịch vụ	Các điều kiện phải thực hiện (theo Điều 9)	Cơ quan quy định và hướng dẫn chi tiết
1. Phế liệu, phế thải kim loại và phế liệu, phế thải có hóa chất độc hại	9.2a	Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (chủ trì) và các Bộ Thương mại, Công nghiệp nặng, Y tế.
2. Vật liệu xây dựng (kinh doanh ở thành thị)	9.2a	Bộ Xây dựng (chủ trì) và các Bộ Thương mại, Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
3. Hóa chất độc mạnh, chất phóng xạ	9.1a, 9.2a, 9.2b và 9.3a	Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (chủ trì) và các Bộ Thương mại, Công nghiệp nặng, Y tế.
4. Vật liệu nổ dùng trong công nghiệp	9.1a, 9.2a, 9.2b và 9.3a	Bộ Năng lượng (chủ trì) và Bộ Nội vụ.
5. Xăng, dầu và các loại chất đốt bằng hóa chất	9.1b (nếu kinh doanh ở thành thị), 9.2a, 9.2b và 9.3a	Bộ Thương mại (chủ trì) và Bộ Nội vụ.
6. Than mỏ (trừ than đá chế biến làm chất đốt sinh hoạt gia đình)	9.1b, 9.2a, 9.2b	Bộ Năng lượng (chủ trì) và Bộ Thương mại.
7. Khách sạn	9.1b, 9.2a, 9.2b, 9.3a, 9.3b.	Tổng cục Du lịch (chủ trì) và các Bộ Thương mại, Nội vụ, Y tế.
Nhà trọ	9.2b, 9.3b	Bộ Thương mại (chủ trì) và các Bộ Nội vụ, Y tế, Tổng cục Du lịch.
8. Các dịch vụ:		
- Khắc dấu	9.1c	Bộ Nội vụ (chủ trì) và các Bộ Thương mại, Y tế, Tổng cục Du lịch.
- Cho thuê và sửa chữa súng săn	9.1c, 9.2b, 9.3a	
- Vũ trường, massage	9.1c, 9.2a, 9.2b, 9.3a	
- Giải phẫu thẩm mỹ	9.1c, 9.2b, 9.3a, 9.3b.	
- Song bạc (casino)	9.1a, 9.2a, 9.2b.	"
9. In ấn, kinh doanh các thiết bị ngành in	9.1b, 9.2b, 9.3a.	Bộ Văn hóa - Thông tin (chủ trì) và các Bộ Nội vụ, Thương mại.
10. Một số cổ vật không thuộc loại cấm kinh doanh	9.1c.	Bộ Văn hóa - Thông tin (chủ trì) và các Bộ Thương mại, Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
11. Dịch vụ cầm đồ	9.1b.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (chủ trì) và Bộ Thương mại.
12. Dịch vụ trong giữ tài sản	9.2a, 9.2b.	Bộ Thương mại.

13. Ăn uống (trong khách sạn, nhà hàng). Ăn uống bình dân.	9.1b, 9.2a, 9.2b, 9.3a và 9.3b 9.2a, 9.3b	Tổng cục Du lịch (chủ trì) và các Bộ Thương mại, Y tế. Bộ Thương mại (chủ trì) và Bộ Y tế.
14. Giết mổ, bán thịt gia súc, gia cầm	9.2a, 9.3b.	Bộ Thương mại (chủ trì) và Bộ Y tế.
15. Chế biến thực phẩm.	9.2a, 9.2b, 9.3a và 9.3b	Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (chủ trì) và các Bộ Y tế, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thương mại.
16. Thuốc chữa bệnh cho người	9.2b, 9.3a, 9.3b.	Bộ Y tế.
17. Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật.	9.2a, 9.2b, 9.3a.	Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.
18. Khám chữa bệnh Đông, Tây y	9.2b, 9.3a, 9.3b	Bộ Y tế.
19. Một số trang bị, dụng cụ y tế	9.2b, 9.3a	Bộ Y tế
20. Vàng, đá quý (gồm cả làm dịch vụ gia công chế tác)	9.1b (trừ làm dịch vụ) 9.2b, 9.3a (trừ có nghề truyền thống)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
21. Một số loại vật tư kỹ thuật cao cấp (hóa chất, kim loại, màu, thiết bị công nghệ...)	9.1b, 9.2b, 9.3a	Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (chủ trì) và các Bộ Công nghiệp nhẹ, Công nghiệp nặng, Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Thương mại
22. Dịch vụ du lịch lữ hành: - Quốc tế - Trong nước	9.1c, 9.2a, 9.2b, 9.3a và 9.3b. 9.1b, 9.2a, 9.2b, 9.3a, 9.3b	Tổng cục Du lịch.

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 3-CP
ngày 10-1-1995 quy định việc
tam hoãn và miễn gọi nhập ngũ
trong thời bình đối với học
sinh, sinh viên và đối với thanh
niên xung phong, các bộ, công
nhân, viên chức Nhà nước làm
việc ở các khu vực có nhiều
khó khăn.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng
9 năm 1992;

Căn cứ Điều 29 Luật Sửa đổi, bổ sung một số
Điều của Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 22 tháng 6
năm 1994;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Trong thời bình, tam hoãn gọi nhập
ngũ cho nam công dân trong độ tuổi nhập ngũ
thuộc các đối tượng sau:

1. Nam công dân đang học ở các trường phổ
thông, đào tạo tập trung với thời gian từ 12 tháng
trở lên tại các trường dạy nghề, trung học chuyên
nghị, các đảng dự bị đối tượng sau đây học ở
các lớp đào tạo nguồn đối với các loại hình công
lập, bán công dân lập và tự thuộc do Chính phủ